TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐST
Ngày: 30/01/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh.
2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đông Q, sinh năm 1988; địa chỉ: 171/2 đường C, khối phố T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: thôn C, xã D, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Lê Đông Q trình bày:

Ông Lê Đông Q và bà Trần Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam (nay là xã D, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 07 tháng 11 năm 2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Lê Đông Q và bà Trần Thị N có hai con chung tên Lê Trần G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015 và Lê Trần H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2017. Khi ly hôn, ông Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu G và H đến đủ 18 tuổi, ông Q không yêu cầu bà N cấp dưỡng

nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 26/11/2025, bị đơn bà Trần Thị N có ý kiến thống nhất quan hệ hôn nhân, con chung như ông Q trình bày, bà N đồng ý yêu cầu ly hôn của ông Q. Khi ly hôn, bà N thống nhất giao cả hai con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Đông Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con khi ly hôn với bị đơn bà Trần Thị N. Bà N hiện đang bị tạm giam tại trại giam Số 2, thành phố Đà Nẵng, có địa chỉ tại khối phố Đông Trà, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5-Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Ông Lê Đông Q và bà Trần Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam (nay là xã D, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2016 ngày 07 tháng 11 năm 2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo ông Lê Đông Q trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống, ông Q đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hòa giải được mà ngày càng trầm trọng, hiện nay tình cảm vợ chồng với bà N không còn nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N. Tại bản tự khai, bà N đồng ý yêu cầu ly hôn của ông Q. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q và bà N hiện không cùng chung sống với nhau, ông Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà N nên yêu cầu được ly hôn, và yêu cầu ly hôn của ông Q được bà N đồng ý nên có cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng ông Q và bà N đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của ông Q, xử cho ông Q được ly hôn với bà N là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về con chung: Ông Lê Đông Q và bà Trần Thị N có 02 con chung là Lê Trần G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015 và Lê Trần H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2017. Khi ly hôn, ông Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến đủ tuổi thành niên và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của ông Q phù hợp với nguyện vọng của hai con chung G, H là được sống cùng với ông Q khi ba mẹ ly hôn và cũng phù hợp với nguyện vọng của bà N là giao 02 con chung cho ông Q nuôi dưỡng khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà N bị tạm giam đến nay hai con chung do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung phát triển tốt về thể lực và trí lực, hiện tại bà N vẫn đang bị tạm giam nên cần giao hai con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là đảm bảo quyền lợi của các con, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Đông Q có công việc ổn định, có đủ thu nhập để nuôi hai con chung, không yêu cầu bà Trần Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Đông Q và bà Trần Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Ông Lê Đông Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đông Q về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với bị đơn bà Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đông Q được ly hôn với bà Trần Thị N.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Trần G, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015 và Lê Trần H sinh ngày 20 tháng 02 năm 2017 cho ông Lê Đông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi

con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Ông Lê Đông Q phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003226 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Q đã nộp xong án phí.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV5-ĐN;
- Phòng THADS KV5-ĐN;
- UBND xã Duy Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Bé